

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SP VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SP VIET NAM TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110324021

**3. Ngày thành lập:** 17/04/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 27 ngõ A7, Khu tập thể Đại học Hà Nội, đường Lương Thế Vinh, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0916539969

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa (trừ Hoạt động của các đấu giá viên);<br>Môi giới mua bán hàng hóa (trừ đấu giá)                                                                                                                                         | 4610        |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                  | 4631        |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt;<br>Bán buôn thủy sản;<br>Bán buôn rau, quả;<br>Bán buôn cà phê;<br>Bán buôn chè;<br>Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;<br>Bán buôn thực phẩm khác; | 4632        |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4633        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>Bán buôn dụng cụ y tế;<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;                                                                                                       | 4649        |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                             | 4651        |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                              | 4652(Chính) |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                 | 4659        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                       | 8299 |
| 10. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại Nhà nước cấm, trừ vàng)                                                                                                                                                                                        | 4690 |
| 11. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                          | 4711 |
| 12. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket);<br>Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)<br>Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác                                      | 4719 |
| 13. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                             | 4721 |
| 14. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                              | 4722 |
| 15. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                | 4723 |
| 16. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                                           | 1050 |
| 17. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                                 | 1071 |
| 18. | Sản xuất đường                                                                                                                                                                                                                                | 1072 |
| 19. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                                                                                           | 1073 |
| 20. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                                                                                  | 1074 |
| 21. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                         | 1075 |
| 22. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh<br>Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm                                                                                                                                          | 2023 |
| 23. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                              | 4781 |
| 24. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                           | 4789 |
| 25. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(trừ bất động sản)                                                                                                                                                                                             | 5210 |
| 26. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                        | 4741 |
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                       | 4759 |
| 28. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên    | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                                               | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỌ LONG   | Việt Nam  | P 1106, cầu thang 3, nhà CT1, khu đô thị Sudico, đường Trần Văn Lai,, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 500.000.000           | 50,000    | 001082056913                                                                                            |         |
| 2   | TRẦN THỊ HOÀI THU | Việt Nam  | P 1106, cầu thang 3, nhà CT1, khu đô thị Sudico, đường Trần Văn Lai, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | 500.000.000           | 50,000    | 001182053350                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỌ LONG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 18/09/1982

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001082056913

Ngày cấp: 01/11/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *P 1106, cầu thang 3, nhà CT1, khu đô thị Sudico, đường Trần Văn Lai,, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: Phòng 1712 tòa C, chung cư Golden Palace, 99 Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội